

Số: 13/2023/QĐCNHGT-TCDS

TP. Yên Bái, ngày 04 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Thanh H và anh Bùi Quốc V;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 07 năm 2023 của bà Nguyễn Thị T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 07 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: Bà: Nguyễn Thị T. Sinh năm 1976

Ông: Phạm Thanh H. Sinh năm: 1972

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

+ Người bị kiện: Ông: Bùi Quốc V. Sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn C, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 07 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 07 năm 2023, cụ thể như sau:

Ông Bùi Quốc V nợ bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Thanh H số tiền mua vật liệu xây dựng (gốc) là 51.902.000 đồng và tiền lãi là 23.769.000 đồng.

Ông Bùi Quốc V có nghĩa vụ thanh toán tiền mua vật liệu theo (giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ lập ngày 28 tháng 3 năm 2022) cho bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Thanh H số tiền là: 51.902.000 đồng (gốc) và tiền lãi là 23.769.000 đồng. Tổng số

tiền ông V phải thanh toán cho bà T, ông H tính đến ngày 13/4/2023 là 75.671.000 đồng (bảy mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày 14/04/2023 nếu ông V không thanh toán hết số tiền nêu trên cho bà T, ông H thì ông V còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 - Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP. Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Hòa giải viên;
- Lưu hồ sơ, TA, KT.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền